



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO  
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 44



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

**Vốn điều lệ:** 102.194.840.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023:** 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308  
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: [www.sachgiaoduchanoi.vn](http://www.sachgiaoduchanoi.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Các Công ty con:**

#### *Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam*

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 67,48%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 67,48%.

#### *Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam*

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

#### *Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An*

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

### **Các Công ty liên kết:**

#### *Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục*

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 21,82%.

#### *Công ty CP Đại Dương Solar*

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 33,70%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 49,95%.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2023 là 53 người, trong đó, cán bộ quản lý là 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                          |              |                          |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương     | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng  | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương     | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Phương Anh      | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Tô Thanh Bình      | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |

### Ban Kiểm soát

- |                       |            |                            |
|-----------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020   |
| • Ông Trần Văn Qué    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019   |
| • Bà Nguyễn Thị Mai   | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 18/04/2023   |
| • Bà Lý Thúy Lan      | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020   |
|                       |            | Miễn nhiệm ngày 18/04/2023 |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                   |                            |
|-------------------------|-------------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 02/09/2019   |
| • Ông Ngô Trọng Vinh    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019   |
| • Bà Đặng Thị Như       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021   |
|                         |                   | Miễn nhiệm ngày 01/09/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoa     | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 27/04/2021   |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 350/2024/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 20/03/2024 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Đinh Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01-DN/HN  
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.529.269.560</b>	<b>116.455.127.134</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>14.965.982.448</b>	<b>14.073.678.513</b>
1. Tiền	111		11.465.982.448	8.073.678.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	6.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.340.890.757</b>	<b>2.318.129.715</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	15.a	5.358.920.050	1.669.300.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	15.a	(18.029.293)	(351.170.485)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.127.654.674</b>	<b>81.388.716.845</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.840.250.076	41.772.630.801
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	757.433.673	334.922.669
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	35.220.000.000	35.220.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.105.872.542	12.142.016.440
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.795.901.617)	(8.080.853.065)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>16.191.143.599</b>	<b>15.548.634.330</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.528.789.723	16.986.454.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.337.646.124)	(1.437.820.078)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.903.598.082</b>	<b>3.125.967.731</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	140.341.532	491.433.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.763.256.550	2.634.534.551
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>78.388.031.779</b>	<b>79.886.499.783</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>62.900.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	62.900.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.700.092.881</b>	<b>39.400.279.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	37.700.092.881	39.400.279.129
- Nguyên giá	222		50.232.485.373	49.925.570.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.532.392.492)	(10.525.291.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.510.659.490</b>	<b>30.991.307.515</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	27.760.659.490	28.241.307.515
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	2.750.000.000	2.750.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.114.379.408</b>	<b>9.494.913.139</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	10.114.379.408	9.494.913.139
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181.917.301.339</b>	<b>196.341.626.917</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>30.865.651.770</b>	<b>46.947.752.744</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.035.199.235</b>	<b>37.788.818.892</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.585.240.663	22.571.738.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.411.596	770.827.222
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	941.785.572	1.301.125.638
4. Phải trả người lao động	314		3.006.359.973	3.234.247.157
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.379.751.569	1.568.506.225
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	7.437.769.803	5.741.693.956
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	2.327.628.000	2.327.628.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		352.252.059	273.052.411
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.830.452.535</b>	<b>9.158.933.852</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	6.783.457.000	9.111.085.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		995.535	1.848.852
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.051.649.569</b>	<b>149.393.874.173</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>151.051.649.569</b>	<b>149.393.874.173</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	14.132.164.715	14.077.139.891
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	23.089.819.812	21.844.244.990
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.208.424.118	9.722.747.243
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.881.395.694	12.121.497.747
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	13.082.154.116	12.724.978.365
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>181.917.301.339</b>	<b>196.341.626.917</b>

  
Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Thành Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	79.823.730.503	99.558.915.276
2. Các khoản giảm trừ	02		134.444.520	369.061.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		79.689.285.983	99.189.853.626
4. Giá vốn hàng bán	11	23	51.295.484.845	66.977.769.512
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<b>28.393.801.138</b>	<b>32.212.084.114</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	7.854.171.482	7.721.149.915
7. Chi phí tài chính	22	25	1.303.501.382	2.730.619.287
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>1.207.700.087</i>	<i>1.355.164.694</i>
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		(480.648.024)	547.207.234
9. Chi phí bán hàng	25	26.a	13.036.706.357	15.123.618.217
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	6.609.821.808	6.597.288.958
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>14.817.295.049</b>	<b>16.028.914.801</b>
12. Thu nhập khác	31	27	6.634.936	1.355.718.804
13. Chi phí khác	32	28	19.428.802	53.194.488
14. Lợi nhuận khác	40		<b>(12.793.866)</b>	<b>1.302.524.316</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>14.804.501.183</b>	<b>17.331.439.117</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.719.104.027	2.098.293.543
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(853.316)	2.040.624
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>13.086.250.472</b>	<b>15.231.104.950</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		9.881.395.694	12.121.497.747
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.204.854.778	3.109.607.203
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	992	1.205
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	992	1.205



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN/HN  
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.804.501.183	17.331.439.117
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	13,14	2.381.092.611	2.563.097.081
- Các khoản dự phòng	03		281.733.406	(1.578.525.204)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.261.516.378)	(7.633.308.477)
- Chi phí lãi vay	06	25	1.207.700.087	1.355.164.694
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		12.413.510.909	12.037.867.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.304.035.217	9.180.762.301
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(542.335.315)	(1.860.471.176)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.816.446.641)	(1.496.139.557)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(268.374.620)	(290.657.455)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3.689.619.850)	(1.669.300.200)
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(1.207.700.087)	(1.355.164.694)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.932.756.235)	(1.165.733.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		61.000.000	37.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(91.850.000)	(240.698.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.229.463.378</b>	<b>13.177.965.192</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	13	(680.906.363)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	8	1.000.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(910.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,9	7.792.338.985	2.541.266.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.111.614.440</b>	<b>2.631.266.343</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	3.663.686.115
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 20	(2.327.628.000)	(5.991.314.115)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 21,19	(9.121.145.883)	(9.212.152.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.448.773.883)</b>	<b>(11.539.780.900)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>892.303.935</b>	<b>4.269.450.635</b>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60 5	14.073.678.513	9.804.227.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>14.965.982.448</b>	<b>14.073.678.513</b>



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/02/2023.

#### 1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

#### Các Công ty con được hợp nhất:

##### Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,48%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,48%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109314156 ngày 18/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

##### Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001335771 ngày 11/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

##### Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001336239 ngày 15/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

*Công ty: Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục.*

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 21,82%.

*Công ty: Công ty CP Đại Dương Solar.*

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 33,70%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 49,95%.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.

##### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

***Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.3 Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	10 -20

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Chi phí thuê Văn phòng, thuê kho.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

**Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

**4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm và các tấm pin năng lượng (Giai đoạn từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ); 5% đối với các bộ đồ dùng học tập; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Đối với thu nhập từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con:

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2021 là năm đầu tiên Công ty phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động bán điện năng lượng mặt trời.
  - Đối với thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 4.20 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	181.724.678	385.319.171
Tiền gửi ngân hàng	11.284.257.770	7.688.359.342
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	3.500.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.965.982.448</b>	<b>14.073.678.513</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	9.555.993.937	18.935.635.147
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	1.081.364.837
Công ty CP Sách & TBTH Nghệ An	1.742.157.670	2.335.042.870
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.281.130.120	6.281.130.120
Công ty CP Đại Dương Solar	2.794.303.259	5.209.403.604
Các đối tượng khác	6.466.665.090	7.930.054.223
<b>Cộng</b>	<b>26.840.250.076</b>	<b>41.772.630.801</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đại La	-	59.489.360
Công ty CP Khảo sát và Xây dựng công trình Thịnh Phát	185.901.173	185.901.173
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	540.782.500	-
Các đối tượng khác	30.750.000	89.532.136
<b>Cộng</b>	<b>757.433.673</b>	<b>334.922.669</b>

### 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Đại Dương Solar	35.220.000.000	35.220.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.220.000.000</b>	<b>35.220.000.000</b>

Cho Công ty CP Đại Dương Solar vay theo các hợp đồng vay vốn năm 2020 và được điều chỉnh bổ sung theo Hợp đồng vay vốn số 01-ESE-DD/2021/PLHĐVV ngày 01/04/2021. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 37.220.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 01/04/2021 đến ngày 01/04/2022. Ngày 01/04/2022, hai bên đã làm phụ lục số 02-ESE-DD/2022/PLHĐVV để gia hạn thời gian cho vay đến ngày 01/04/2023. Đến ngày 01/04/2023, hai bên tiếp tục làm thêm phụ lục số 02-ESE-DD/2023/PLHĐVV để gia hạn thời gian cho vay đến ngày 01/04/2024. Lãi suất cho vay là 10,2%/năm. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Đại Dương Solar tại Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau và Nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu.

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	305.111.342	-	2.731.084.929	-
Tạm ứng	2.116.901.917	-	2.102.689.414	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	2.980.000.000	-	2.980.000.000	-
- Công ty CP Đại Dương Solar	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.980.000.000	-	1.980.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức được chia (Công ty CP Đại Dương Solar)	5.703.859.283	-	4.328.242.097	-
<b>Cộng</b>	<b>11.105.872.542</b>	<b>-</b>	<b>12.142.016.440</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	62.900.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>62.900.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	8.795.901.617	8.080.853.065
- Từ 3 năm trở lên	7.894.720.182	7.944.720.182
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	901.181.435	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	136.132.883
<b>Cộng</b>	<b>8.795.901.617</b>	<b>8.080.853.065</b>

**Trong đó: Nợ xấu**

	31/12/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	7.894.720.182	-	
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	-	Trên 3 năm
- Vụ Mầm non	125.697.600	-	Trên 3 năm
- Công Ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	6.281.130.120	-	Trên 3 năm
- Công ty CP Sách & TBTH Hà Giang	431.299.250	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	305.378.389	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>7.894.720.182</b>	<b>-</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	76.431.768	-	48.482.742	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.120.465.649	-	7.946.539.220	-
Thành phẩm	11.786.340.491	1.157.664.525	7.557.350.131	1.175.306.470
Hàng hóa	1.545.551.815	179.981.599	1.434.082.315	262.513.608
<b>Cộng</b>	<b>17.528.789.723</b>	<b>1.337.646.124</b>	<b>16.986.454.408</b>	<b>1.437.820.078</b>

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2023.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê kho Đại La	122.914.000	122.914.000
Phí bản thảo chế bản	-	5.777.778
Thuế GTGT chờ kết chuyển	-	354.224.501
Chi phí khác	17.427.532	8.516.901
<b>Cộng</b>	<b>140.341.532</b>	<b>491.433.180</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án khu VP và nhà ở cao cấp Vinaconex (*)	8.577.234.871	8.828.889.679
Chi phí tổ chức bản thảo	898.904.646	661.033.996
Các khoản khác	638.239.891	4.989.464
<b>Cộng</b>	<b>10.114.379.408</b>	<b>9.494.913.139</b>

(\*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1); Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	187.869.455	3.853.170.717	2.324.925.128	43.559.604.837	49.925.570.137
Mua trong năm	-	606.379.091	74.527.272	-	680.906.363
Thanh lý, nhượng bán	-	260.000.000	113.991.127	-	373.991.127
<b>Số cuối năm</b>	<b>187.869.455</b>	<b>4.199.549.808</b>	<b>2.285.461.273</b>	<b>43.559.604.837</b>	<b>50.232.485.373</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	175.925.776	3.690.660.508	2.302.744.240	4.355.960.484	10.525.291.008
Khấu hao trong năm	11.943.679	161.952.242	29.216.442	2.177.980.248	2.381.092.611
Thanh lý, nhượng bán	-	260.000.000	113.991.127	-	373.991.127
<b>Số cuối năm</b>	<b>187.869.455</b>	<b>3.592.612.750</b>	<b>2.217.969.555</b>	<b>6.533.940.732</b>	<b>12.532.392.492</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	11.943.679	162.510.209	22.180.888	39.203.644.353	39.400.279.129
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>606.937.058</b>	<b>67.491.718</b>	<b>37.025.664.105</b>	<b>37.700.092.881</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 5.584.532.355 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 37.025.664.105 đồng.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 63.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. Đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

STT	31/12/2023				01/01/2023			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết								
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	1.550	42.557.450	24.528.157	18.029.293	1.250	38.357.450	18.129.715	20.227.735
Công ty CP Chứng khoán VIX	-	-	-	-	200.000	1.630.942.750	1.300.000.000	330.942.750
Công ty CP Vinhomes	90.000	3.651.969.750	3.888.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP Than Cao Sơn	100.000	1.664.392.850	1.674.248.423	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>191.550</b>	<b>5.358.920.050</b>	<b>5.586.776.580</b>	<b>18.029.293</b>	<b>201.250</b>	<b>1.669.300.200</b>	<b>1.318.129.715</b>	<b>351.170.485</b>

**b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	21,82%	7.352.864.821		7.380.707.062
Công ty CP Đại Dương Solar	49,95%	20.407.794.669		20.860.600.453
<b>Cộng</b>		<b>27.760.659.490</b>		<b>28.241.307.515</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1,84%	200.000	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>2.750.000.000</b>	<b>-</b>

Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.588.150.197	5.018.959.237
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.299.974.715	1.200.541.750
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	-	4.782.030.763
Công ty CP Đại Dương Solar	1.008.027.733	7.042.027.733
Các đối tượng khác	4.689.088.018	4.528.178.800
<b>Cộng</b>	<b>8.585.240.663</b>	<b>22.571.738.283</b>

### 17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	29.024.745	4.766.309	33.791.054	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.098.293.543	1.719.104.027	1.932.756.235	-	884.641.335
Thuế thu nhập cá nhân	-	173.807.350	749.490.424	866.153.537	-	57.144.237
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	28.000.050	28.000.050	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.301.125.638</b>	<b>2.511.360.810</b>	<b>2.870.700.876</b>	<b>-</b>	<b>941.785.572</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Trích trước hoa hồng môi giới	1.379.751.569	1.559.344.465
Các khoản trích trước khác	-	9.161.760
<b>Cộng</b>	<b>1.379.751.569</b>	<b>1.568.506.225</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. Phải trả khác**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	117.566.343	73.134.917
Cổ tức phải trả	4.601.599.197	2.404.319.653
Phải trả khác	2.718.604.263	3.264.239.386
- Công ty CP Đại Dương Solar	2.686.592.703	2.261.927.826
- Các đối tượng khác	32.011.560	1.002.311.560
<b>Cộng</b>	<b>7.437.769.803</b>	<b>5.741.693.956</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.000.000</b>	<b>46.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	2.327.628.000	2.327.628.000	2.327.628.000	2.327.628.000
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.327.628.000	2.327.628.000	2.327.628.000	2.327.628.000
<b>Cộng</b>	<b>2.327.628.000</b>	<b>2.327.628.000</b>	<b>2.327.628.000</b>	<b>2.327.628.000</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	11.438.713.000	-	2.327.628.000	9.111.085.000
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	11.438.713.000	-	2.327.628.000	9.111.085.000
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.327.628.000			2.327.628.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	<b>9.111.085.000</b>			<b>6.783.457.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

(\* ) Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 65579.20.065.8281646.TD ngày 23/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trôi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ Thống Máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.
- Hợp đồng vay số 66414.20.065.8273617.TD ngày 25/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trôi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền (Số phát hành: CP 267302; Số vào sổ cấp GCN: CS01167), Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ Thống Máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng, và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2022	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	13.959.679.170	18.497.928.127
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	47.947.677
Tăng trong năm	-	-	-	117.460.721	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	12.121.497.747
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.823.128.561
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>669.277.482</b>	<b>(2.116.606.556)</b>	<b>14.077.139.891</b>	<b>21.844.244.990</b>
Số dư tại 01/01/2023	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.077.139.891	21.844.244.990
Tăng trong năm	-	-	-	55.024.824	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	9.881.395.694
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.635.820.872
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>669.277.482</b>	<b>(2.116.606.556)</b>	<b>14.132.164.715</b>	<b>23.089.819.812</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
<b>Cộng</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>102.194.840.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	21.844.244.990	18.497.928.127
Điều chỉnh do hợp nhất	-	47.947.677
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.881.395.694	12.121.497.747
Phân phối lợi nhuận	8.635.820.872	8.823.128.561
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.635.820.872	8.823.128.561
- Trích quỹ đầu tư phát triển	55.024.824	117.460.721
- Chia cổ tức	8.470.746.400	8.470.746.400
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	110.049.648	234.921.440
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>23.089.819.812</b>	<b>21.844.244.990</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/SGDHN ngày 18/04/2023.

**e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2023 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 8,5%/Vốn điều lệ. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2023.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu sách tham khảo	69.831.040.940	89.387.156.143
Doanh thu thiết bị giáo dục	-	42.709.791
Doanh thu bán vật tư, khác	40.330.983	453.013.479
Doanh thu bán điện mặt trời	9.952.358.580	9.676.035.863
<b>Cộng</b>	<b>79.823.730.503</b>	<b>99.558.915.276</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sách tham khảo	48.972.452.527	64.961.033.856
Giá vốn thiết bị giáo dục	-	29.541.472
Giá vốn văn phòng phẩm, khác	40.079.019	453.013.479
Giá vốn hoạt động bán điện mặt trời	2.383.127.253	2.365.200.632
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(100.173.954)	(831.019.927)
<b>Cộng</b>	<b>51.295.484.845</b>	<b>66.977.769.512</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.832.415.398	3.828.601.272
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.909.567.186	3.257.499.971
Lãi do mua bán chứng khoán	734.455.425	-
Lãi bán hàng trả chậm	377.733.473	635.048.672
<b>Cộng</b>	<b>7.854.171.482</b>	<b>7.721.149.915</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	1.207.700.087	1.355.164.694
Lãi mua hàng trả chậm	424.664.877	1.023.017.402
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(333.141.192)	351.170.485
Chi phí tài chính khác	4.277.610	1.266.706
<b>Cộng</b>	<b>1.303.501.382</b>	<b>2.730.619.287</b>

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên bán hàng	4.943.000.090	5.817.207.556
Chi phí hoa hồng môi giới	1.297.218.912	1.559.344.465
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	561.987.708	692.627.580
Chi phí thuê kho	751.763.747	569.691.639
Chi phí khác	5.482.735.900	6.484.746.977
<b>Cộng</b>	<b>13.036.706.357</b>	<b>15.123.618.217</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	3.275.731.005	3.759.747.838
Khấu hao TSCĐ	45.426.700	112.278.456
Chi phí thuê kho	322.348.586	322.348.586
Chi phí khác	2.212.844.129	3.501.589.840
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	753.471.388	(1.098.675.762)
<b>Cộng</b>	<b>6.609.821.808</b>	<b>6.597.288.958</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. Thu nhập khác**

	Năm 2023	Năm 2022
Cho thuê văn phòng	4.545.455	4.545.455
Thu từ thanh lý vật tư	1.812.729	203.181.364
Lãi chuyển nhượng BCC	-	1.143.319.242
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	181.818	-
Các khoản khác	94.934	4.672.743
<b>Cộng</b>	<b>6.634.936</b>	<b>1.355.718.804</b>

**28. Chi phí khác**

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	19.424.882	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	44.000.000
Các khoản khác	3.920	9.194.488
<b>Cộng</b>	<b>19.428.802</b>	<b>53.194.488</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.804.501.183	17.331.439.117
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(684.781.869)	(1.997.715.453)
Điều chỉnh tăng	1.744.137.293	1.824.062.466
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	195.600.000	257.029.712
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	19.428.802	44.073.593
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	295.855.059	208.506.830
+ Lỗ tính thuế tại Công ty con	1.228.986.852	1.307.584.741
+ Lỗ nội bộ đã thực hiện	4.266.580	6.867.590
Điều chỉnh giảm	2.428.919.162	3.821.777.919
+ Lãi/lỗ đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(480.648.024)	547.207.234
+ Cổ tức được nhận	2.909.567.186	3.257.499.971
+ Lỗ nội bộ chưa thực hiện	-	17.070.714
Tổng thu nhập chịu thuế	14.119.719.314	15.333.723.664
Tổng thu nhập tính thuế	14.119.719.314	15.333.723.664
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	8.423.206.679	10.491.467.720
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	5.696.512.635	4.842.255.944
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.719.104.027</b>	<b>2.098.293.543</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.684.641.335	2.098.293.543
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	34.462.692	-

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.818.003.001	17.591.284.423
Chi phí nhân công	8.218.731.095	9.576.955.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.381.092.611	2.563.097.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.001.657.181	40.930.664.847
Chi phí khác bằng tiền	4.483.617.562	5.539.945.871
<b>Cộng</b>	<b>58.903.101.450</b>	<b>76.201.947.616</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 31. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	9.881.395.694	12.121.497.747
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(110.049.648)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	110.049.648
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.881.395.694	12.011.448.099
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>992</b>	<b>1.205</b>

- Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại theo số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023 thông qua.
- Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/04/2023 không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 2023 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm giáo dục, kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp và kinh doanh điện năng mặt trời với một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục		Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp		Hoạt động kinh doanh điện năng lượng mặt trời		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bộ phận	69.736.927.403	89.513.817.763	-	-	9.952.358.580	9.676.035.863	-	-	79.689.285.983	99.189.853.626
Chi phí bộ phận	68.057.662.313	85.673.021.258	411.312.908	565.808.611	2.468.771.209	2.452.979.228	4.266.580	6.867.590	70.942.013.010	88.698.676.687
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1.679.265.090	3.840.796.505	(411.312.908)	(565.808.611)	7.483.587.371	7.223.056.635	(4.266.580)	(6.867.590)	8.747.272.973	10.491.176.939
Chi phí tài chính	(328.863.582)	437.656.068	5.239.701.371	5.431.175.932	1.787.914.967	2.488.069.655	(5.395.251.374)	(5.626.282.368)	1.303.501.382	2.730.619.287
Doanh thu tài chính	7.898.193.071	6.028.449.662	8.144.443.192	8.954.848.365	840.231	107.268.964	(8.189.305.012)	(7.369.417.076)	7.854.171.482	7.721.149.915
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	8.227.056.653	5.590.793.594	2.904.741.821	3.523.672.433	(1.787.074.736)	(2.380.800.691)	(2.794.053.638)	(1.743.134.708)	6.550.670.100	4.990.530.628
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	(480.648.024)	547.207.234
Thu nhập khác	6.634.936	1.355.718.804	-	-	-	-	-	-	6.634.936	1.355.718.804
Chi phí khác	19.428.802	53.194.488	-	17.070.714	-	-	-	(17.070.714)	19.428.802	53.194.488
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	(12.793.866)	1.302.524.316	-	(17.070.714)	-	-	-	17.070.714	(12.793.866)	1.302.524.316
Lợi nhuận trước thuế									14.804.501.183	17.331.439.117
Chi phí thuế TNDN hiện hành									1.719.104.027	2.098.293.543
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(853.316)	2.040.624
Lợi nhuận sau thuế TNDN									13.086.250.472	15.231.104.950
Tài sản ngắn hạn	110.073.596.828	121.145.761.820	55.192.983.066	57.319.260.111	1.977.905.137	2.877.977.994	(63.715.215.471)	(64.887.872.791)	103.529.269.560	116.455.127.134
Tài sản dài hạn	29.490.580.971	28.322.314.188	26.980.000.000	26.980.000.000	37.026.813.636	39.208.633.817	(15.109.362.828)	(14.624.448.222)	78.388.031.779	79.886.499.783
Tổng tài sản	139.564.177.799	149.468.076.008	82.172.983.066	84.299.260.111	39.004.718.773	42.086.611.811	(78.824.578.299)	(79.512.321.013)	181.917.301.339	196.341.626.917
Nợ ngắn hạn	13.292.021.159	22.789.547.170	57.546.341.028	60.166.046.986	16.912.052.519	19.721.097.527	(63.715.215.471)	(64.887.872.791)	24.035.199.235	37.788.818.892
Nợ dài hạn	46.000.000	46.000.000	-	-	6.783.457.000	9.111.085.000	995.535	1.848.852	6.830.452.535	9.158.933.852
Tổng nợ	13.338.021.159	22.835.547.170	57.546.341.028	60.166.046.986	23.695.509.519	28.832.182.527	(63.714.219.936)	(64.886.023.939)	30.865.651.770	46.947.752.744
Khấu hao	198.845.782	259.501.092	-	6.388.888	2.177.980.248	2.290.339.512	4.266.581	6.867.589	2.381.092.611	2.563.097.081

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### **33. Quản lý rủi ro**

#### **Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động về lãi suất và giá.

#### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Với lĩnh vực điện năng lượng mặt trời có đặc điểm là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất của Công ty cộng với chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

#### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty Điện lực. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Với đặc điểm kinh doanh mua bán điện năng lượng mặt trời tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.585.240.663	-	8.585.240.663
Chi phí phải trả	1.379.751.569	-	1.379.751.569
Vay và nợ thuê tài chính	2.327.628.000	6.783.457.000	9.111.085.000
Phải trả khác	7.320.203.460	46.000.000	7.366.203.460
<b>Cộng</b>	<b>19.612.823.692</b>	<b>6.829.457.000</b>	<b>26.442.280.692</b>
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.571.738.283	-	22.571.738.283
Chi phí phải trả	1.568.506.225	-	1.568.506.225
Vay và nợ thuê tài chính	2.327.628.000	9.111.085.000	11.438.713.000
Phải trả khác	5.668.559.039	46.000.000	5.714.559.039
<b>Cộng</b>	<b>32.136.431.547</b>	<b>9.157.085.000</b>	<b>41.293.516.547</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.965.982.448	-	14.965.982.448
Đầu tư tài chính	5.340.890.757	2.750.000.000	8.090.890.757
Phải thu khách hàng	18.044.348.459	-	18.044.348.459
Phải thu về cho vay	35.220.000.000	-	35.220.000.000
Phải thu khác	8.988.970.625	62.900.000	9.051.870.625
<b>Cộng</b>	<b>82.560.192.289</b>	<b>2.812.900.000</b>	<b>85.373.092.289</b>
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.073.678.513	-	14.073.678.513
Đầu tư tài chính	2.318.129.715	2.750.000.000	5.068.129.715
Phải thu khách hàng	33.691.777.736	-	33.691.777.736
Phải thu về cho vay	35.220.000.000	-	35.220.000.000
Phải thu khác	10.039.327.026	-	10.039.327.026
<b>Cộng</b>	<b>95.342.912.990</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>98.092.912.990</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng thành viên HĐQT là Ông Tô Thanh Bình
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty liên kết

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phí sử dụng nhãn hiệu	111.195.000	104.195.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	1.344.795.000	2.658.590.850
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	12.712.681.215	13.410.988.490
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	-	614.719.441
	Mua xe	650.000.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Phí bản quyền STK	4.076.755.000	9.432.835.000
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Mua xe	-	178.000.000
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	10.266.304.950	11.516.601.150
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	164.862.500	750.152.280
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	13.597.113.790	31.771.222.770
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty CP Đại Dương Solar	Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
	Lãi cho vay	3.592.439.996	3.362.082.080
	Lãi bán hàng trả chậm	377.733.473	635.048.672
	Lãi mua hàng trả chậm	424.664.877	1.023.017.402
	Cổ tức được chia	2.573.717.186	2.713.749.971
	Mua tài sản	-	2.247.185.249
Công ty CP Đầu tư CMC	Cho vay	4.000.000.000	-
	Thu tiền cho vay	4.000.000.000	-
	Lãi cho vay	89.219.178	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cổ tức chia	500.000.000	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cổ tức được chia	240.000.000	168.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***c. Số dư với các bên liên quan**

	Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	-	1.081.364.837
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Phải thu khách hàng	9.555.993.937	18.935.635.147
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán	1.299.974.715	1.200.541.750
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trả trước cho người bán	540.782.500	-
	Phải trả người bán	-	6.240.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải trả người bán	152.390.000	102.195.000
Công ty CP Đại Dương Solar	Phải thu về cho vay	35.220.000.000	35.220.000.000
	Phải thu khác	7.008.970.625	8.059.327.026
	Phải trả khác	7.263.097.193	4.641.253.289
	Phải thu khách hàng	2.794.303.259	5.209.403.604
	Phải trả người bán	1.008.027.733	7.042.027.733

**d. Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	Năm 2023	Năm 2022
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	224.194.650	274.111.599
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	33.600.000	33.600.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	589.587.752	729.739.940
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	146.000.000	187.264.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	8.000.000	-
Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	3.600.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	418.927.225	475.230.276
	Thư ký	Thù lao	12.000.000	12.000.000

**35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 05/02/2024, Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 15/03/2024 để tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 8%, ngày thanh toán 26/04/2024.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**36. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Tổng Giám đốc**



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2024

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Hoa

**Người lập biểu**

Nguyễn Thị Hoa

